TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HƯNG YÊN** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 12/8/2021
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN
Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:** Bà Đào Thúy Hà.
- Các Hội thẩm nhân dân:
  1. Ông Phạm Minh Đức.
  2. Bà Nguyễn Thị Hệ.
- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Nam - Thư ký Toà án.
- Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên: Bà Đào Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 80/2021/TLST - HNGĐ ngày 07/6/2021, về việc *"tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:18/2021/QĐXX - HNGĐ ngày 26/7/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Ngô Thị H, sinh năm 1975, "vắng mặt";

2. Bị đơn**:** anh Bùi Văn Q, sinh năm 1975, "vắng mặt";

Đều trú tại HKTT: thôn Q, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn Ngô Thị H trình bày: Chị Ngô Thị H và anh Bùi Văn Q có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 01 năm 1995 tại UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh Q thường xuyên đi chơi, tụ tập bạn bè và nghiện ma túy. Khi phát hiện anh Q nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên anh Q nhiều lần nhưng không được. Anh Q không quan tâm đến gia đình, việc chăm sóc con chung và chi tiêu trong gia đình đều do chị lo liệu. Năm 2014, anh Q vi phạm pháp luật bị kết án 7 năm tù, năm 2020 anh Q chấp hành xong hình phạt về với gia đình nhưng vẫn không chịu làm ăn. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến nay, chị Ngô Thị H xác định không còn tình cảm với anh

Q, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án thành phố Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Về con chung: chị H và anh Q có 02 con chung là Bùi Đại V, sinh năm 1995 và Bùi Đại Q1, sinh năm 2001, hiện nay đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn Q trình bày: Giống như chị H về quá trình tìm hiểu cũng như đăng ký kết hôn. Anh Q thừa nhận vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân xuất phát từ cả hai bên. Trước đây, anh vi phạm pháp luật nên bị kết án 07 năm tù, ngày 26/12/2020 (âm lịch) chấp hành án xong về với gia đình. Trong thời gian đi chấp hành án, chị H không quan tâm đến anh, không một lần đến thăm nom. Khi trở về địa phương, anh phát hiện chị H có biểu hiện không chung thủy. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Bùi Đại V, sinh năm 1995 và Bùi Đại Q1, sinh năm 2001, hiện nay đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản: không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên triệu tập bị đơn Bùi Văn Q đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q không đến mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ . Do đó, không thực hiện được tục hòa giải giữa các đương sự.

Để làm rõ mâu thuẫn của chị H và anh Q, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên tiến hành xác minh, cụ thể:

Chị Đào Thị S, em dâu của chị Ngô Thị H trình bày: Chị H và anh Q sống không hạnh phúc, nguyên nhân chủ yếu là do anh Q nghiện ma túy, đã bị xử lý hình sự, sau khi chấp hành án xong anh Q không thay đổi, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên uống rượu, mắng chửi chị H, có lần còn đánh và dọa giết. Chị H phải gánh vác tất cả công việc gia đình và nuôi dậy con cái. Gia đình đã khuyên can nhiều nhưng anh Q không thay đổi. Do không chịu được cách cư xử của anh Q nên chị H đã thuê trọ ra ở riêng và sống ly thân với anh Q.

Anh Bùi Đại V, con trai của anh Q và chị H trình bày: Bố mẹ anh sống không hạnh phúc, nguyên nhân do nhiều mâu thuẫn bất đồng nên đã sống ly thân năm 2013, không ai quan tâm đến ai.

Chính quyền địa phương và thôn Quang Trung, xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên cung cấp: Anh Q và chị H sống không hạnh phúc nguyên nhân là do chị H, anh Q có nhiều bất đồng trong cuộc sống. Đặc biệt, anh có biểu hiện nghiện ma túy nên anh Q không quan tâm đến gia đình, đã từng bị xử lý hình sự về tội phạm

liên quan đến ma túy. Sau khi chấp hành án về, anh Q và chị H vẫn không hòa hợp, không quan tâm đến nhau, hiện nay đang sống ly thân.

Tại phiên tòa: Bị đơn anh Bùi Văn Q vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm. Nguyên đơn chị Ngô Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và thể hiện quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q; Về con chung: chị H và anh Q có hai con chung là cháu Bùi Đại V, sinh năm 1995 và cháu Bùi Đại Q1, sinh năm 2001. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không giải quyết; Về tài sản: Chị H không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định trong việc xét xử, điều hành phiên tòa theo quy định tại điều 225, từ điều 227 đến điều 229, điều 234, 239, điều 247 đến 258, điều 260 đến 262 BLTTDS; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các điều 51, 239 BLTTDS; Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại điều 70, 71 BLTTDS; Bị đơn thực hiện cơ bản đúng quy định tại các điều 70,72 BLTTDS. Về đường lối giải quyết: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị Ngô Thị H được ly hôn anh Bùi Văn Q. Về con chung: chị H và anh Q có hai con chung là cháu Bùi Đại V, sinh năm 1995 và cháu Bùi Đại Q1, sinh năm 2001. Hiện nay, các cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung: các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị H và anh Bùi Văn Q có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 01 năm 1995 tại UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh Q là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, do không hạnh phúc nên chị H đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Q. Hiện nay, anh Q đang sinh sống trên địa bàn thành phố Hưng Yên nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân thành phố Hưng Yên và quan hệ pháp luật cần phải giải quyết là "*tranh chấp ly hôn"*.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh Q thông qua người thân, người làm chứng và chính quyền địa phương, HĐXX thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q chung sống không hạnh phúc, do có nhiều nguyên nhân phát sinh trong cuộc sống, trong đó nguyên nhân chính xuất phát từ việc anh Q không quan tâm, chăm sóc đến gia đình. Hiện chị H và anh Q sống ly thân nhưng cả anh, chị đều không có biện pháp để giải quyết, tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của chị H, Tòa án đã triệu tập anh Q đến làm việc, anh Q có quan điểm là đồng ý ly hôn với chị H nhưng anh không đến tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh Q có đơn đề nghị xét xử vắng. Từ những phân tích nêu trên, chứng tỏ anh Q không còn quan tâm và coi trọng hôn nhân với chị H. Mâu thuẫn giữa chị H và anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: anh Q và chị H có 02 con chung là Bùi Đại V, sinh năm 1995 và Bùi Đại Q1, sinh năm 2001, hiện nay đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản: đương sự không đề nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết. Trường hợp các đương sự chứng minh được việc có tài sản chung, có nợ chung thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Ngô Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị H, cho chị Ngô Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn Q.

2. Về con chung: anh Q và chị H có 02 con chung là Bùi Đại V, sinh năm 1995 và Bùi Đại Q1, sinh năm 2001, hiện nay đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3.Về tài sản: các đương sự không đề nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết. Trường hợp các đương sự chứng minh được có tài sản chung, nợ chung thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối chiếu với Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001446 ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, chị H đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

T.M HĐXX SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa

Đào Thúy Hà

Nơi nhận.
- Phòng nghiệp vụ & THA, Tòa án tỉnh Hưng Yên.
- VKSND thành phố Hưng Yên.
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên.
- UBND xã Tân Hưng, TP. Hưng Yên (ĐKKH số 06/1995 ngày 16/01/1995).
- Các đương sư.
- Lưu HS.